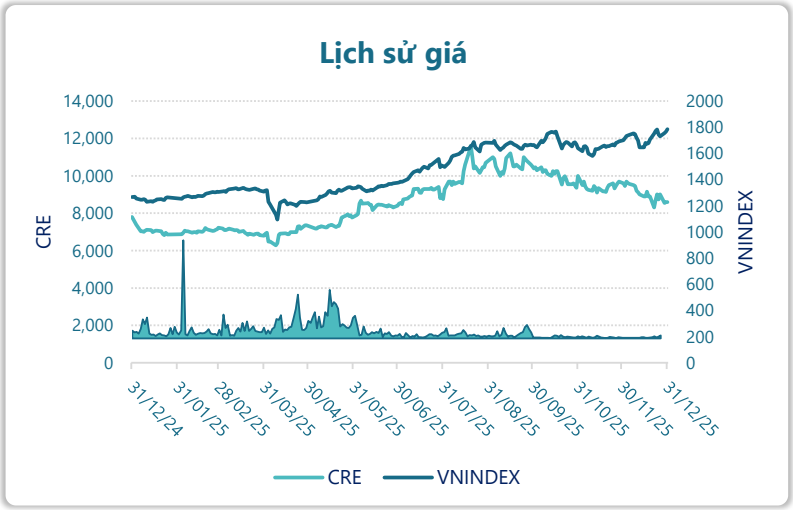
FireAnt

CTCP Bất động sản Thế Kỷ (HSX: CRE)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,590**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,280
SL cổ phiếu LH	463,678,426
KLGD BQ 20 phiên (CP)	584,205
% sở hữu nước ngoài	3.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,983
P/E	53.1
EPS	162

DT thuần

Q4/25

518

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 184| 55.1%

YoY: ▲ 134| 34.9%

LN sau thuế

Q4/25

12.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼7.60| -37.8%

YoY: ▲ 1.50| 14.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

13.0%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

2025

1,356

tỷ VNĐ

YoY: ▼182| -11.8%

LN sau thuế

2025

76.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.5| 82.6%

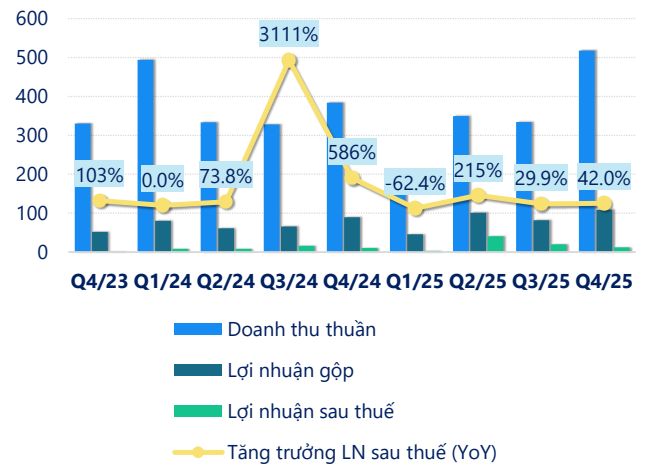
ROE

2025

1.3%

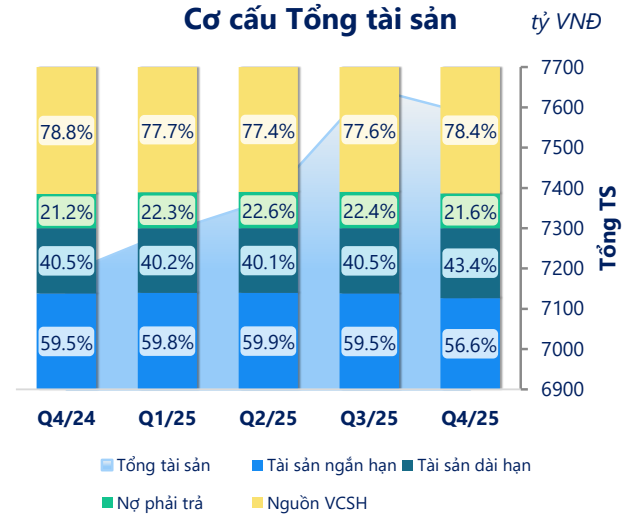
+/- YoY: ▲ 0.6%

Kết quả kinh doanh



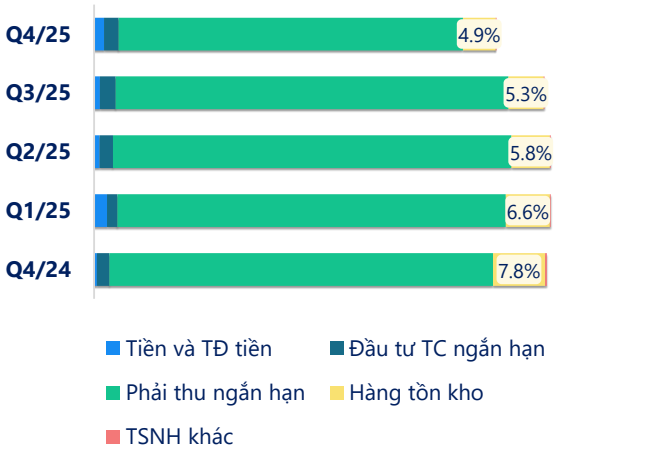
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



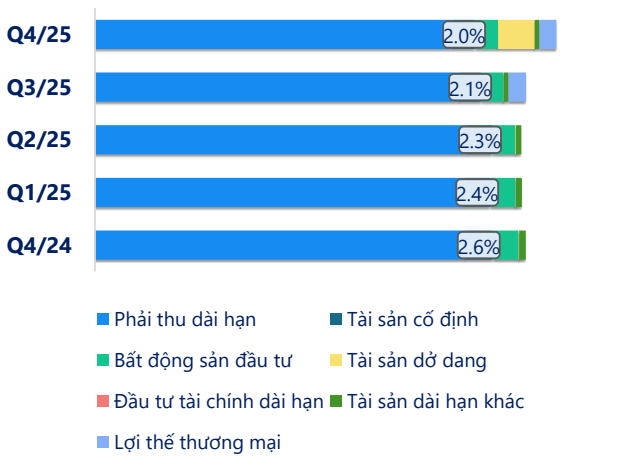
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



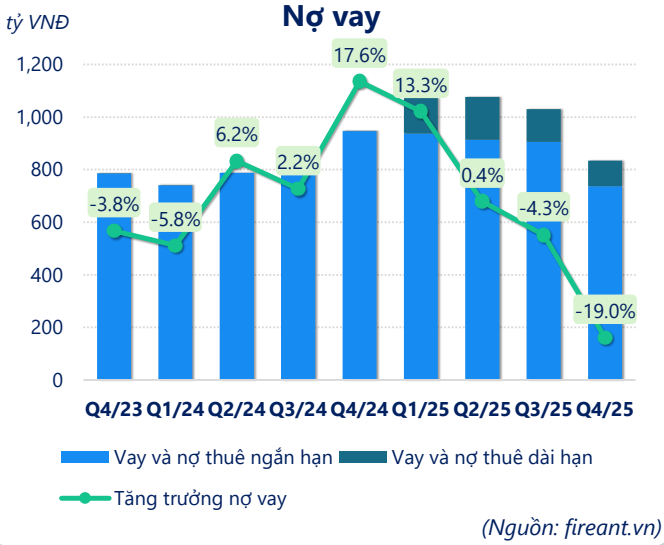
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



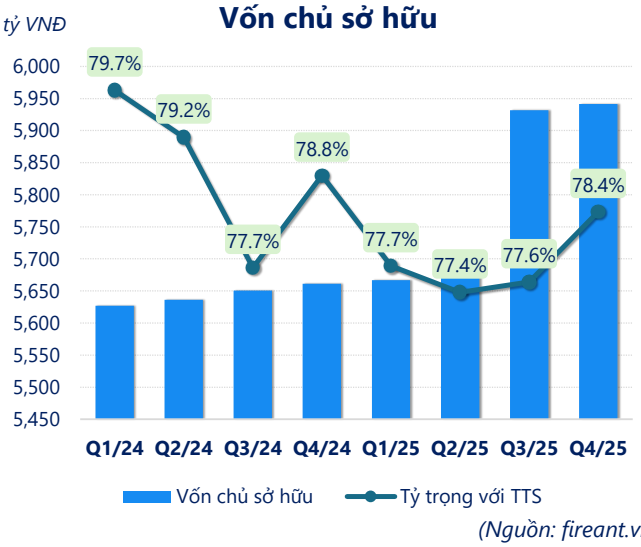
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



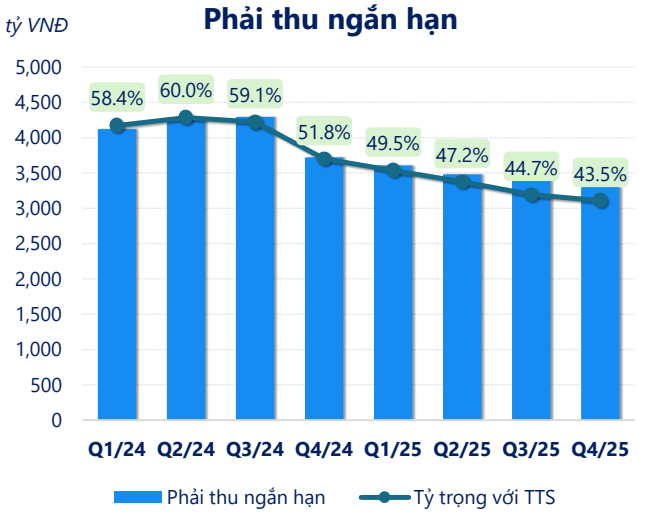
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



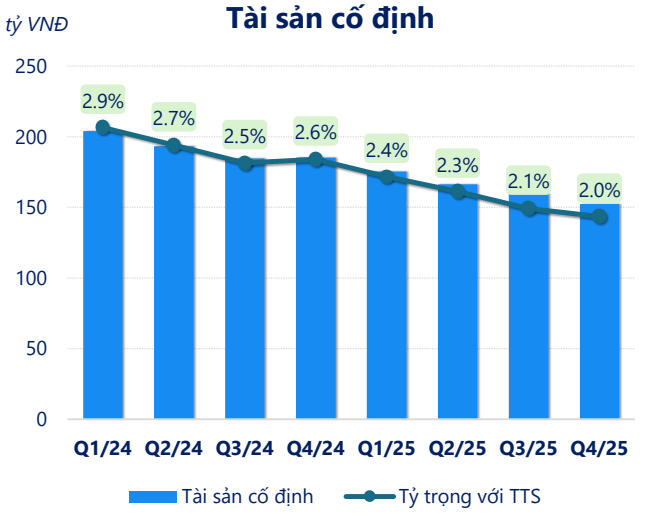
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



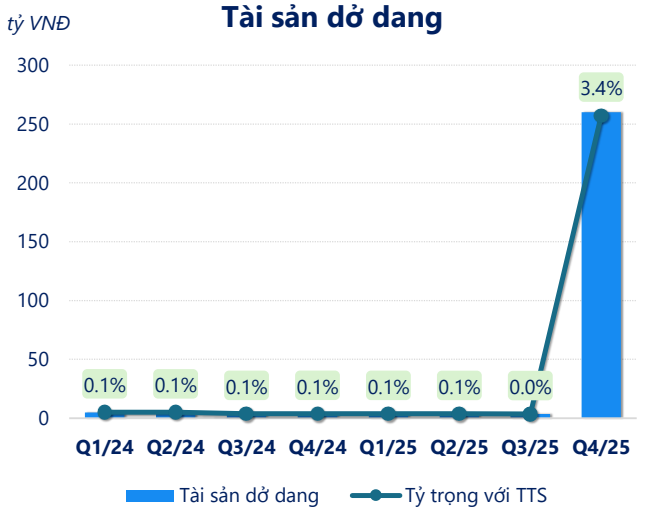
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



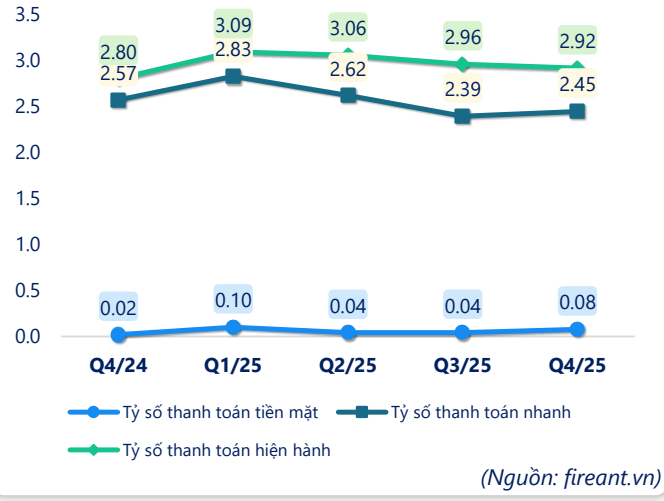
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



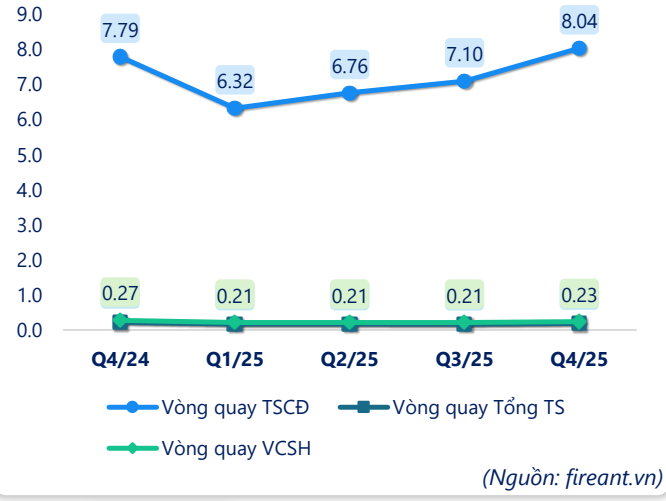
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**7,187**	**7,289**	**7,371**	**7,648**	**7,583**
Tài sản ngắn hạn	**4,276**	**4,363**	**4,415**	**4,549**	**4,292**
Tiền và tương đương tiền	31.0	142	60.0	65.6	115
Đầu tư tài chính ngắn hạn	157	227	225	180	165
Phải thu ngắn hạn	3,722	3,608	3,482	3,419	3,299
Hàng tồn kho	354	376	632	869	691
Tài sản ngắn hạn khác	11.6	9.79	16.6	14.8	23.0
Tài sản dài hạn	**2,911**	**2,927**	**2,956**	**3,099**	**3,291**
Phải thu dài hạn	2,501	2,532	2,586	2,618	2,556
Tài sản cố định	185	175	166	160	152
Bất động sản đầu tư	177	175	161	159	167
Tài sản dở dang	3.71	3.71	3.71	3.71	260
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	44.5	40.5	38.8	34.0	33.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	125	122
Nợ phải trả	**1,526**	**1,623**	**1,663**	**1,717**	**1,642**
Nợ ngắn hạn	**1,525**	**1,410**	**1,445**	**1,537**	**1,472**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	946	937	914	906	737
Phải trả người bán ngắn hạn	134	112	161	159	166
Nợ dài hạn	0.89	213	218	180	170
Vay và nợ thuê dài hạn	0.51	135	163	124	97.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,661**	**5,667**	**5,708**	**5,932**	**5,942**
Vốn chủ sở hữu	**5,661**	**5,667**	**5,708**	**5,932**	**5,942**
Vốn điều lệ	4,637	4,637	4,637	4,637	4,637
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)